

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Tp Hà Nội - Tháng 3 năm 2014

SI
TRÁI
TƯ
TO
AV
LI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp hoá chất tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (Nay là Tập đoàn Hóa chất Việt nam). Công ty được phê duyệt phương án chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần với tên giao dịch Công ty Cổ phần Thiết kế Công Nghiệp hoá chất theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103010996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 2 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 25 tháng 02 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty :

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn điều lệ của Công ty là : 29.885.180.000 đồng với tổng số cổ phần là 2.988.518 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000đ/CP. Trong đó cơ cấu vốn góp của các cổ đông như sau :

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 15.768.180.000 đồng (1.576.818 CP) bằng 52,76% vốn điều lệ.

Các cổ đông khác: 14.117.000.000 đồng (1.411.700 CP) bằng 47,24% vốn điều lệ.

Lĩnh vực kinh doanh

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 hoạt động chính của Công ty là Tư vấn đầu tư và phát triển ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu...; Quản lý dự án ĐTXD công trình; thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường ...

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài chức năng kinh doanh đã đăng ký.

Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng nhà các loại;

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

Xây dựng công trình công ích;

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu, công trình công nghiệp; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Hoạt động tư vấn quản lý (mã ngành: 70200); Hoàn thiện công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống điện; Chuẩn bị mặt bằng; Phá dỡ; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thăm tra, thẩm định các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng, các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

chỉ hành nghề); Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Xử lý chất thải công nghiệp; Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; Đánh giá tác động môi trường; Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Thủ và tổng thầu (EPC) xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có quy mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng); Tổng thầu các công trình có vốn đầu tư nước ngoài; Sản xuất một số sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường; Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 07 đến trang 35 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị	Ông Đỗ Hiền Ngang	Chủ tịch Hội đồng quản trị
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên
	Ông Phan Hoài Thanh	Ủy viên
	Ông Đinh Đức Bộ	Ủy viên
	Ông Nguyễn Công Thắng	Ủy viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc
	Ông Phan Hoài Thanh	Phó Giám đốc
	Ông Văn Đức Thắng	Phó Giám đốc
	Ông Lê Văn Lượng	Phó Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Văn Bang	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Thị Bích	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên

Trụ sở chính của Công ty tại số 21A, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Thông tin Công ty Con và Chi nhánh hạch toán phụ thuộc như sau:

**TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Công ty con

Tên	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Gia công cơ khí gồm: Khung nhà tiền chế, vì kèo các loại dùng trong ngành xây dựng...
<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	55,33%
<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>	55,33%

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất	Số 37/76 - Trần Đình Xu - TP Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Quảng Ngãi	Số 61 - Trương Định, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi.
Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Phú Thọ	Đường Nguyễn Tất Thành, phường Tân Dân, thành phố Việt Trì.
Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng	Số 1/70 Văn Cao, phường Bạch Đằng, quận Ngô Quyền, thành Hải Phòng.
Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hà Nội	Đường Phương Canh, xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2013 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC; Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Kiểm toán viên không có bất kỳ quan hệ kinh tế hoặc quyền lợi kinh tế với Công ty như: góp vốn cổ phần, cho vay hoặc vay vốn từ khách hàng, là cổ đông chi phối của khách hàng hoặc ký kết hợp đồng gia công dịch vụ, đại lý tiêu thụ hàng hóa...

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

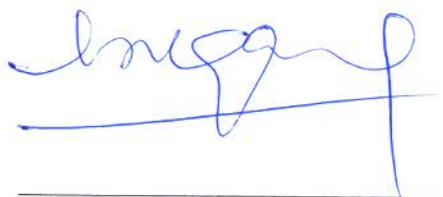
Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Cam kết khác:

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty.



Đỗ Hiên Ngang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thay mặt và đại diện



Nguyễn Mạnh Hùng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Số : 015/2014/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất, được lập ngày 10 tháng 3 năm 2014, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Quốc Hùng
Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0295-2013-146-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IAFC

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2014



Đinh Thế Hùng
Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1917-2013-146-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị tính: VND
 01/01/2013
 VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		187.225.260.015	106.962.378.816
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	12.813.319.924	43.123.456.507
1. Tiền	111		12.813.319.924	28.123.456.507
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	15.000.000.000
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121.756.218.580	33.015.153.714
1. Phải thu khách hàng	131		103.633.645.267	31.647.538.461
2. Trả trước cho người bán	132		18.532.519.681	1.721.090.700
3. Các khoản phải thu khác	135	4	996.842.549	1.053.313.470
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.406.788.917)	(1.406.788.917)
III- Hàng tồn kho	140	5	45.278.156.244	26.593.512.836
1. Hàng tồn kho	141		45.278.156.244	26.593.512.836
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		7.377.565.267	4.230.255.759
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.887.822.850	803.494.649
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	154		18.765.792	1.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.470.976.625	3.425.761.110
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.995.650.418	25.365.249.055
I- Tài sản cố định	220		20.974.282.305	21.217.108.975
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	18.600.373.971	18.564.670.641
- Nguyên giá	222		31.599.498.815	29.783.328.032
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.999.124.844)	(11.218.657.391)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	2.373.908.334	2.652.438.334
- Nguyên giá	228		2.951.650.000	2.811.650.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(577.741.666)	(159.211.666)
II- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	8	1.638.000.000	1.638.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1.638.000.000	1.638.000.000
II- Tài sản dài hạn khác	260		21.383.368.113	2.510.140.080
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.015.613.839	1.694.523.304
2. Tài sản dài hạn khác	268	10	20.367.754.274	815.616.776
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		231.220.910.433	132.327.627.871

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		173.640.477.867	94.118.247.264
I- Nợ ngắn hạn	310		171.612.703.774	93.548.378.419
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	38.601.451.083	3.709.890.000
2. Phải trả người bán	312		45.327.229.740	7.066.935.287
3. Người mua trả tiền trước	313		25.906.521.963	59.910.610.742
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	5.577.416.810	7.029.465.906
5. Phải trả người lao động	315		2.316.894.099	786.698.054
6. Chi phí phải trả	316	13	53.776.413.390	14.046.178.151
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	934.252.236	2.233.422.853
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(827.475.547)	(1.234.822.574)
II- Nợ dài hạn	330		2.027.774.093	569.868.845
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		2.027.774.093	569.868.845
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.266.261.428	31.504.067.322
I- Vốn chủ sở hữu	410	15	50.089.973.550	30.997.553.445
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.885.180.000	17.579.520.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.731.913.124	5.857.499.948
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.213.208.792	879.485.488
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.259.671.634	6.681.048.009
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		176.287.878	506.513.877
1. Nguồn kinh phí	432	16	176.287.878	506.513.877
C LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		7.314.171.138	6.705.313.285
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		231.220.910.433	132.327.627.871

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
1. Ngoại tệ các loại (USD)	005		1.790,85	290,61



Trần Ngọc Sơn
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2014



Đinh Đức Bộ
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	433.738.452.670	163.142.389.095
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	260.425.020	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	433.478.027.650	163.142.389.095
4. Giá vốn hàng bán	11	20	381.189.479.271	132.633.649.291
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.288.548.379	30.508.739.804
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.530.125.052	1.196.827.454
7. Chi phí tài chính	22	22	2.605.024.552	2.841.180.773
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		640.283.050	2.839.169.994
8. Chi phí bán hàng	24		-	758.349.479
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.872.854.472	19.144.806.492
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.340.794.407	8.961.230.514
11. Thu nhập khác	31		565.299.426	1.167.908.456
12. Chi phí khác	32		259.447.350	1.185.333.188
13. Lợi nhuận khác	40		305.852.076	(17.424.732)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.646.646.483	8.943.805.782
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	4.758.788.337	2.257.444.488
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.887.858.146	6.686.361.294
17. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	70		608.857.853	5.313.285
18. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty Mẹ	80		13.279.000.293	6.681.048.009
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	5.082	3.803

Trần Ngọc Sơn
 Người lập biểu
 Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Đinh Đức Bộ
 Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Hùng
 Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.646.646.483	8.943.805.782
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.001.561.213	2.645.090.933
- Các khoản dự phòng	03	-	548.179.917
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(68.540.708)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(496.842.842)	(1.194.816.675)
- Chi phí lãi vay	06	640.283.050	2.839.169.994
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	22.723.107.196	13.781.429.951
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(91.888.374.374)	2.195.935.381
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(18.684.643.408)	1.572.437.410
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11	43.367.482.265	36.300.990.623
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	678.909.465	1.004.495.446
- Tiền lãi vay đã trả	13	(689.652.943)	(3.012.141.512)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.446.231.189)	(1.375.718.458)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	38.725.261.719	12.281.610.644
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(58.722.120.778)	(15.843.670.255)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(67.936.262.047)	46.905.369.230
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài	21	(6.512.692.067)	(3.257.640.186)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài	22	-	8.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	-	(500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24	-	3.677.114.168
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.404.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	2.560.787.820	1.196.827.454
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.951.904.247)	(279.698.564)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của	31	9.845.180.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	49.933.234.483	41.834.880.041
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(15.041.673.400)	(54.527.670.287)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.164.313.600)	(2.636.828.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	41.572.427.483	(15.329.618.246)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(30.315.738.811)	31.296.052.420
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	43.123.456.507	11.827.404.087
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	5.602.228	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.813.319.924	43.123.456.507

Trần Ngọc Sơn

Trần Ngọc Sơn
 Người lập biểu
 Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Đinh Đức Bộ

Đinh Đức Bộ
 Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Hùng
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (Nay là Tập đoàn Hóa chất Việt nam). Công ty được phê duyệt phương án chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần với tên giao dịch Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103010996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 2 năm 2006 và , đăng ký thay đổi lần 10 ngày 25 tháng 02 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vốn điều lệ của Công ty là : 29.885.180.000 đồng với tổng số cổ phần là 2.988.518 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000đ/CP. Trong đó cơ cấu vốn góp của các cổ đông như sau :

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 15.768.180 đồng (1.576.818.000CP) bằng 52,76% vốn điều lệ.

Các cổ đông khác: 14.117.000 đồng (1.411.117.000 CP) bằng 47,24% vốn điều lệ.

Lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ hoạt động chính của Công ty là Tư vấn đầu tư và phát triển ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu...; Quản lý dự án ĐTXD công trình; thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường ...

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài chức năng kinh doanh đã đăng ký.

Trụ sở chính của Công ty tại số 21A , phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng nhà các loại;

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

Xây dựng công trình công ích;

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu, công trình công nghiệp; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Hoạt động tư vấn quản lý (mã ngành: 70200); Hoàn thiện công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống điện; Chuẩn bị mặt bằng; Phá dỡ; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

Thẩm tra, thẩm định các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng, các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề); Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Xử lý chất thải công nghiệp; Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; Đánh giá tác động môi trường; Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Thầu và tổng thầu (EPC) xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có quy mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng); Tổng thầu các công trình có vốn đầu tư nước ngoài; Sản xuất một số sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường; Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)/.

Công ty có 1 Công ty con tại thời điểm 31/12/2013 được hợp nhất

Tên giao dịch	Trụ sở
Công ty Cổ phần Máy Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Gia công cơ khí gồm: Khung nhà tiền chế, vì kèo các loại dùng trong ngành xây dựng...
<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	55,33%
<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>	55,33%

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty Mẹ và Công ty Con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành cùng với các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính "Quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp". Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại Công ty Con, khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (sau khi bù trừ số chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

Chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính “Quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp”. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

2.1 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới).

4. Phương pháp ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình:

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 15 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Tài sản cố định vô hình	
Phần mềm máy kế toán và khác	3 - 8 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài phần lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần vốn chủ sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát tài sản và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

6. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

7.1. Chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Những khoản chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

7.2. Chi phí khác:

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

7.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

8.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8.2 Trích Bảo hiểm thất nghiệp:

Bảo hiểm thất nghiệp được trích, nộp theo hướng dẫn tại Nghị định 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về Bảo hiểm thất nghiệp.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

10.1 Doanh thu bán hàng

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ : Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

10.3 Doanh thu Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo sau:

- Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi công việc đã hoàn thành, có biên bản nghiệm thu, bảng thanh toán khối lượng được chủ đầu tư xác nhận, bảng tổng hợp kinh phí hoàn thành, phiếu giá thanh toán (nếu có) và bản thanh lý hợp đồng mà không phụ thuộc vào thu tiền

10.4. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

14. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

15. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

3. TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	2.276.885.050	1.513.661.059
Tiền gửi ngân hàng	10.536.434.874	26.609.795.448
Các khoản tương đương tiền	-	15.000.000.000
Cộng	12.813.319.924	43.123.456.507

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**
 (Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khác	996.842.549	1.053.313.470
<i>Phải thu tiền thuế TNCN của NLD</i>	305.278.405	664.649.558
<i>Phải thu bên LD tiền phạt</i>		22.411.050
<i>Phải thu BHXH</i>	75.971.928	131.423.223
<i>Khác</i>	615.592.216	234.829.639
Cộng	996.842.549	1.053.313.470

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.048.976.212	143.524.355
Công cụ, dụng cụ	12.165.368	922.400
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	44.217.014.664	26.449.066.081
Cộng giá gốc hàng tồn kho	45.278.156.244	26.593.512.836
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	45.278.156.244	26.593.512.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

MẪU B 09-DN/HN

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2013	15.444.636.875	6.867.847.362	5.912.733.174	1.558.110.621	29.783.328.032
Tăng trong năm	189.136.294	515.443.633	3.041.472.706	601.327.273	4.347.379.906
Mua trong năm	-	515.443.633	3.041.472.706	601.327.273	4.158.243.612
Đầu tư XDCB hoàn thành	189.136.294	-	-	-	189.136.294
Giảm trong năm	45.800.000	595.959.224	28.101.753	1.861.348.146	2.531.209.123
Giảm khác	45.800.000	595.959.224	28.101.753	1.861.348.146	2.531.209.123
Số dư tại 31/12/2013	15.587.973.169	6.787.331.771	8.926.104.127	298.089.748	31.599.498.815
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2013	5.058.343.330	2.657.312.428	2.537.693.312	965.308.321	11.218.657.391
Tăng trong năm	996.642.639	1.169.193.216	1.032.899.337	384.296.021	3.583.031.213
Khấu hao trong năm	996.642.639	1.169.193.216	1.032.899.337	384.296.021	3.583.031.213
Giảm trong năm	9.114.684	525.737.619	5.592.548	1.262.118.909	1.802.563.760
Giảm khác	9.114.684	525.737.619	5.592.548	1.262.118.909	1.802.563.760
Số dư tại 31/12/2013	6.045.871.285	3.300.768.025	3.565.000.101	87.485.433	12.999.124.844
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2013	10.386.293.545	4.210.534.934	3.375.039.862	592.802.300	18.564.670.641
Tại 31/12/2013	9.542.101.884	3.486.563.746	5.361.104.026	210.604.315	18.600.373.971

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.754.406.053

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2013	719.000.000	2.092.650.000	2.811.650.000
Tăng trong năm	-	140.000.000	140.000.000
Mua trong năm		140.000.000	140.000.000
Số dư tại 31/12/2013	719.000.000	2.232.650.000	2.951.650.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2013		159.211.666	159.211.666
Tăng trong năm		418.530.000	418.530.000
Khấu hao trong năm		418.530.000	418.530.000
Số dư tại 31/12/2013	-	577.741.666	577.741.666
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2013	719.000.000	1.933.438.334	2.652.438.334
Tại 31/12/2013	719.000.000	1.654.908.334	2.373.908.334

(*) TSCĐ vô hình khác là Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 và hệ thống phần mềm thiết kế PDMS. Tăng trong năm là phần mềm kế toán.

8. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013		01/01/2013	
	% vốn điều lệ	Số lượng	Số lượng	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác				
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	6,50%	163.800	163.800	1.638.000.000
Tổng		163.800	163.800	1.638.000.000

(*) Tỷ lệ vốn góp của Công ty CECO vào Công ty CP CNHC Tây Ninh là 6,5%/ vốn điều lệ (tương đương 7.800.000.000 đồng). Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang góp vốn theo tiến độ là 1.638.000.000 đồng. Ngày 22/01/2014, Công ty đã nhận được văn bản số 95/HCVN-HDTV của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam v/v chấp thuận cho CECO thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Hóa chất Tây Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**
(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn khác		
<i>Công cụ dụng cụ chờ phân bổ</i>	1.015.613.839	458.492.756
<i>Chi phí Sửa chữa TSCĐ</i>		120.742.728
<i>Chi phí thuê nhà kỳ 2013</i>		72.000.000
<i>Chi phí GPMB</i>		1.043.287.820
Cộng	1.015.613.839	1.694.523.304

10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	20.367.754.274	815.616.776
Cộng	20.367.754.274	815.616.776

(*) Là khoản ký quỹ tại Ngân hàng Công thương VN - Chi nhánh Đồng Đa và khoản ký quỹ dài hạn mở tại Ngân hàng MB Chi nhánh Hoàn Kiếm. Mục đích ký quỹ là bảo lãnh dự thầu và thực hiện hợp đồng EPC.

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	38.601.451.083	3.709.890.000
<i>Vay cán bộ công nhân viên (a)</i>	4.900.000.000	3.709.890.000
<i>Ngân hàng Vietinbank CN Đồng Đa (b)</i>	33.701.451.083	
Cộng	38.601.451.083	3.709.890.000

(a) Vay cán bộ công nhân viên các chi nhánh: 4.000.000.000 đồng. Lãi suất thả nổi theo bình quân liên ngân hàng, biên độ 3%-5%, kỳ hạn từ 6-12 tháng, vay tín chấp.

(b) Vay của Ngân hàng Công thương Chi nhánh Đồng Đa theo biên bản ghi nhớ hạn mức tín dụng 170 tỷ đồng. Lãi suất từ 10% - 10,5%/năm, kỳ hạn vay là 3,4 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Hình thức vay là tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.606.538.709	5.258.541.148
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.906.094.353	1.593.537.205
Thuế thu nhập cá nhân	64.783.748	177.387.553
Cộng	5.577.416.810	7.029.465.906

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	53.776.413.390	14.046.178.151
Trích trước các chi phí các công trình	53.196.130.144	13.926.229.470
Trích trước tiền thuế nhà CN Tp HCM	473.249.913	14.545.455
Chi phí lãi vay phải trả		105.403.226
Cộng	53.776.413.390	14.046.178.151

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	4.054.948	659.458.555
Bảo hiểm xã hội	-	265.743.707
Bảo hiểm thất nghiệp	-	125.876.721
Các khoản phải trả, phải nộp khác	930.197.288	1.182.343.870
Công ty cổ phần Tuấn Lâm	548.999.550	548.999.550
Góp vốn theo tiến độ	127.500.000	
Phạt vi phạm hợp đồng, tiền phạt HC thuế		413.676.052
Khác	253.697.738	219.668.268
Cộng	934.252.236	2.233.422.853

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 (Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

MÃU B 09-DN/HN

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2011	(2.010.779)	5.057.829.101	736.156.144	3.866.586.879	27.238.081.345
Tăng trong năm	-	799.670.847	143.329.344	6.681.048.009	7.624.048.200
Tăng vốn năm trước	-	799.670.847	143.329.344	943.000.191	943.000.191
Lãi năm trước	-	-	-	6.681.048.009	6.681.048.009
Giảm nguồn vốn	(2.010.779)	-	-	3.866.586.879	3.864.576.100
Giảm vốn năm trước	-	-	-	2.636.928.000	2.636.928.000
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	1.229.658.879	1.229.658.879
Giảm khác	(2.010.779)	-	-	(2.010.779)	(2.010.779)
Số dư tại 31/12/2011	-	5.857.499.948	879.485.488	6.681.048.009	30.997.553.445
Số dư tại 01/01/2013	-	5.857.499.948	879.485.488	6.681.048.009	30.997.553.445
Tăng trong năm	-	1.334.893.176	333.723.304	13.279.000.293	27.253.276.773
Tăng vốn năm nay (*)	-	-	-	12.305.660.000	12.305.660.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	1.334.893.176	333.723.304	1.668.616.480	1.668.616.480
Lãi năm nay	-	-	-	13.279.000.293	13.279.000.293
Giảm trong năm	-	2.460.480.000	-	5.700.376.668	8.160.856.668
Tăng nguồn vốn	-	2.460.480.000	-	2.460.480.000	2.460.480.000
Chia cổ tức 18% vốn điều lệ	-	-	-	3.164.313.600	3.164.313.600
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.334.893.176	1.334.893.176
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	333.723.304	333.723.304
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	867.446.588	867.446.588
Số dư tại 31/12/2013	-	4.731.913.124	1.213.208.792	14.259.671.634	50.089.973.550

(*) Theo Báo cáo gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) về kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận chào bán số 63/GCN-UBCK ngày 24/12/2012 của UBCK NN, Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất đã thực hiện chào bán thành công 1.230.566 cổ phiếu (chiếm 100% tổng số cổ phần được phép chào bán) tương ứng với số tiền là 12.305.660.000 đồng để tăng vốn điều lệ. Trong đó tổng số tiền thu bằng từ việc bán cổ phiếu là 9.845.180.000 đồng và phát hành cổ phiếu thường tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển là 2.460.480.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU B 09-DN/HN
 (Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn góp của Tập đoàn HC Việt Nam	15.768.180.000	9.275.400.000
Vốn góp của đối tượng khác	14.117.000.000	8.304.120.000
Cộng	29.885.180.000	17.579.520.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	17.579.520.000	17.579.520.000
Vốn góp tăng trong năm	12.305.660.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	29.885.180.000	17.579.520.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.164.313.600	2.636.828.000

d. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên ngày 20/04/2013 đã quyết định chia cổ tức năm 2012 là 15% trên vốn điều lệ và Công ty đã thực hiện chi trả bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng trong năm.

e. Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.988.518	1.757.952
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.988.518	1.757.952
Cổ phiếu phổ thông	2.988.518	1.757.952
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.988.518	1.757.952
Cổ phiếu phổ thông	2.988.518	1.757.952
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

f. Các quỹ của doanh nghiệp.

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	4.731.913.124	5.857.499.948
Quỹ dự phòng tài chính	1.213.208.792	879.485.488

16. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	506.513.877	(78.966.123)
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	490.000.000	
Chi sự nghiệp	(820.225.999)	
Điều chỉnh nguồn		585.480.000
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	176.287.878	506.513.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**
(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)
THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng	433.738.452.670	163.142.389.095
Cộng	433.738.452.670	163.142.389.095

18. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giảm giá hàng bán	260.425.020	-
Cộng	260.425.020	-

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu thuần	433.478.027.650	163.142.389.095
Cộng	433.478.027.650	163.142.389.095

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của hàng đã bán	381.189.479.271	132.633.649.291
Cộng	381.189.479.271	132.633.649.291

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.455.982.116	1.196.827.454
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.602.228	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	68.540.708	-
Cộng	2.530.125.052	1.196.827.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MÃU B 09-DN/HN
 (Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	640.283.050	2.839.169.994
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	2.010.779
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.964.741.502	-
Cộng	2.605.024.552	2.841.180.773

23. THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	4.758.788.337	2.257.444.488
Cộng	4.758.788.337	2.257.444.488

CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.646.646.483	8.943.805.782
+ Các khoản điều chỉnh tăng	525.047.697	488.007.150
- Điều chỉnh theo BB Thuế	374.434.708	488.007.150
- Chi phí không được trừ	150.612.989	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	136.540.834	402.034.982
- Điều chỉnh theo BB Thuế	68.000.126	27.600.274
- Điều chỉnh theo BB KTNN	-	374.434.708
Tổng thu nhập chịu thuế	19.035.153.346	9.029.777.950
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.758.788.337	2.257.444.488
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.758.788.337	2.257.444.488

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	13.887.858.146	6.686.361.294
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	13.887.858.146	6.686.361.294
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.732.638	1.757.952
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.082	3.803

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**
 (Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	303.253.761.374	100.475.733.972
Chi phí nhân công	74.973.650.048	36.037.790.186
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.001.561.213	2.645.090.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.163.485.657	7.528.997.601
Chi phí khác bằng tiền	30.880.797.456	9.659.916.540
Cộng	415.273.255.748	156.347.529.233

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

26.1 Các sự kiện sau ngày khóa sổ

Ngày 22/01/2014, Công ty đã nhận được văn bản số 95/HCVN-HĐTV của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam v/v chấp thuận cho CECO thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Hóa chất Tây Ninh. Số vốn thực góp đến thời điểm 31/12/2013 của CECO tại Công ty Cổ phần Hóa chất Tây Ninh là 1.638.000.000 đồng.

26.2 Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Tài sản tài chính</i>	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.813.319.924		43.123.456.507	
Phải thu khách hàng	103.633.645.267	(1.406.788.917)	31.647.538.461	(1.406.788.917)
Các khoản phải thu khác	996.842.549		1.053.313.470	
Cộng	117.443.807.740	(1.406.788.917)	75.824.308.438	(1.406.788.917)
	Giá trị ghi sổ kế toán			
<i>Nợ phải trả tài chính</i>	30/06/2013		01/01/2013	
	VND		VND	
Vay và nợ	38.601.451.083		3.709.890.000	
Phải trả người bán	45.327.229.740		7.066.935.287	
Chi phí phải trả	53.776.413.390		14.046.178.151	
Các khoản phải trả khác	934.252.236		2.233.422.853	
Cộng	138.639.346.449		27.056.426.291	

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, không bao gồm các khoản trích lập dự phòng phải thu.

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch vay và nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc một đối tác không đáp ứng được nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tính hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Tại ngày 31/12/2013	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	38.601.451.083	-	-	38.601.451.083
Phải trả người bán	45.327.229.740	-	-	45.327.229.740
Chi phí phải trả	53.776.413.390	-	-	53.776.413.390
Các khoản phải trả khác	934.252.236	-	-	934.252.236
Cộng	138.639.346.449	-	-	138.639.346.449
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	3.709.890.000	-	-	3.709.890.000
Phải trả người bán	7.066.935.287	-	-	7.066.935.287
Chi phí phải trả	14.046.178.151	-	-	14.046.178.151
Các khoản phải trả khác	2.233.422.853	-	-	2.233.422.853
Cộng	27.056.426.291	-	-	27.056.426.291

Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

25.3 Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

Giao dịch bán

Đối tượng	Mối quan hệ	Tính chất	Năm 2013
			VND
Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Công ty Mẹ	Doanh thu	786.959.372
Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	739.516.365
Công ty TNHH một thành viên Đạm Ninh Bình	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	72.727.273
Công ty TNHH MTV DAP - Vinachem	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	2.580.095.455
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	2.501.410.273
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	60.000.000
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	9.090.909
Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	289.480.607.116
Ban QLDA DAP Hải Phòng	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	3.985.397
Công ty TNHH MTV Phân đạm và HC Hà Bắc	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	27.069.666.797
Công ty Cổ phần Xà Phòng Hà Nội	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	294.770.909
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	886.545.455
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và HC Lâm Thao	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	3.000.750.000
Ban QLDA Đạm Ninh Bình	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	207.311.818
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phương Đông	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	272.727.273
Công ty Cổ phần Công nghiệp và Hóa chất Vi Sinh	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	220.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	641.818.182
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	Cùng Tập đoàn	Doanh thu	3.544.345.455

Số dư với các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	31/12/2013	31/12/2013
		VND	VND
		<i>Phải thu</i>	<i>Ứng trước</i>
Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Công ty Mẹ		699.622.000
Công ty cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	381.600.000	
Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	Cùng Tập đoàn		1.000.000.000
Công ty cổ phần DAP số 2	Cùng Tập đoàn	67.814.120.933	318.110.000
Ban quản lý dự án DAP Hải Phòng	Cùng Tập đoàn	201.787.842	
Công ty Cổ phần Xà Phòng Hà Nội	Cùng Tập đoàn	275.000.000	
Công ty TNHH MTV DAP - Vinachem	Cùng Tập đoàn	1.296.603.401	83.500.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Cùng Tập đoàn	498.998.300	100.980.000
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	Cùng Tập đoàn		220.400.000
Công ty Cổ phần SX và TM Phương Đông	Cùng Tập đoàn		52.800.000
Công ty Cổ phần Supe phốt phát và HC Lâm Thao	Cùng Tập đoàn	4.245.317.751	123.651.000
Công ty Cổ phần Bột giặt Net	Cùng Tập đoàn		168.000.000
Công ty TNHH MTV Phân đạm và HC Hà Bắc	Cùng Tập đoàn		10.799.362.666
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cùng Tập đoàn		420.400.000
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	Cùng Tập đoàn	47.500.000	
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	Cùng Tập đoàn		623.282.727
Công ty TNHH MTV Hoi kỹ nghệ Que Hàn	Cùng Tập đoàn	64.174.000	
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	89.700.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÁU B 09-DN/HN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

2.5.4 Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Theo đó báo cáo bộ phận được lập theo nhóm hàng sản xuất kinh doanh như sau.

Chỉ tiêu	Văn phòng Công ty tại 21A Cát Linh - Hà Nội	Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại				Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng		Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hà Nội		Công ty Con	Loại trừ	Cộng
		Kế Công nghiệp Hóa chất - TP HCM	Kế Công nghiệp Hóa chất tại Quảng Ngãi	Kế Công nghiệp Hóa chất tại Phú Thọ	Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng	Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng	Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hà Nội	Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hà Nội	Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hà Nội			
Tài sản	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013		31/12/2013
Tài sản ngắn hạn	154.270.698.950	8.934.880.363	1.155.929.093	9.203.196.499	14.352.973.321	18.980.644.459	10.270.764.216	(29.943.826.886)	187.225.260.015			
Tài sản dài hạn	40.388.871.584	702.942.739	-	19.365.000	11.000.000	390.543.844	11.352.438.332	(569.511.081)	52.295.650.418			
Tổng Tài sản	194.659.570.534	9.637.823.102	1.155.929.093	9.222.561.499	14.363.973.321	19.371.188.303	21.623.202.548	(30.513.337.967)	239.520.910.433			
Nợ phải trả												
Nợ ngắn hạn	141.495.323.335	6.637.823.102	1.155.929.093	10.587.501.305	11.363.973.321	18.454.245.277	5.248.192.538	(21.302.510.104)	173.640.477.867			
Nợ dài hạn	53.164.247.199	3.000.000.000	-	(1.364.939.806)	3.000.000.000	916.943.026	16.375.010.010	(9.210.827.863)	65.880.432.566			
Tổng nợ phải trả	194.659.570.534	9.637.823.102	1.155.929.093	9.222.561.499	14.363.973.321	19.371.188.303	21.623.202.548	(30.513.337.967)	239.520.910.433			
Một số chỉ tiêu hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 31/12/2013												
Doanh thu thuần	367.265.560.129	20.293.989.412	2.103.468.263	13.100.313.017	17.944.109.087	19.639.526.621	33.304.329.354	(40.173.268.233)	433.478.027.650			
Giá vốn	326.419.046.642	18.414.936.223	1.907.319.661	11.373.963.420	16.123.362.397	18.057.530.282	29.066.588.879	(40.173.268.233)	381.189.479.271			
Lợi nhuận gộp	40.846.513.487	1.879.053.189	196.148.602	1.726.349.597	1.820.746.690	1.581.996.339	4.237.740.475	-	52.288.548.379			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất)

Báo cáo bộ phận được lập theo lĩnh vực như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Lĩnh vực	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp	
		Thành tiền	Thành tiền	Thành tiền	Tỷ trọng
1	Tư vấn thiết kế	56.216.811.821	41.245.557.858	14.971.253.963	29%
2	Cung cấp vật tư, thiết bị, xây lắp, gia công chế tạo	372.237.893.484	337.276.013.318	34.961.880.166	67%
3	Giám sát môi trường	3.954.231.436	2.667.908.095	1.286.323.341	2%
4	Khác	1.069.090.909		1.069.090.909	2%
	Cộng	433.478.027.650	381.189.479.271	52.288.548.379	100%

26.5 Những khoản nợ tiềm tàng

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

26.6 Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

26.7 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC kiểm toán. Một số chỉ tiêu kỳ trước đã được phân loại lại để phù hợp với số liệu so sánh kỳ này.

Trần Ngọc Sơn
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2014

Đinh Đức Bộ
Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hùng
Giám đốc